

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 24/2019/DS-PT

Ngày: 06-6-2019

Vv "*Tranh chấp hợp đồng
giao khoán*"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh

Ông Trương Hồng Căn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 06/6 /2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng giao khoán*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST, ngày 20/12/2018, của Tòa án nhân dân thị xã Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐ-PT ngày 03/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐ-PT ngày 25/4/2019 và thông báo số 07/TB-TA ngày 13/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐ-PT ngày 29/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần nông trường Đ; Địa chỉ: xã B, huyện Đ (nay là thị xã Đ), tỉnh Quảng Ninh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Vũ Văn T – Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần nông trường Đ.

Người đại diện theo ủy quyền:

1.1. Ông Nguyễn Bá L; Địa chỉ: Xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

1.2. Ông Nguyễn Đức Th; Địa chỉ: Số 8, ngõ 46A, đường Ph, phường Ph, Quận Đ, Thành phố Hà Nội; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bá H– Sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn Tr, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Nghề nghiệp: Công nhân Công ty cổ phần nông trường Đ nghỉ hưu; Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Nh– Sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn Tr, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Bá H’– Sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Tr, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nh và anh H’: Ông Nguyễn Bá H; Có mặt.

- Người kháng cáo: bị đơn Ông Nguyễn Bá H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/5/2018 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/3/1993, Nông Trường Đ, nay là Công ty cổ phần nông trường Đ (sau đây gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng giao khoán đất trồng cây ăn quả với ông Nguyễn Bá H, số 361/HĐK, thời gian giao nhận khoán là 50 năm, diện tích là 0,37 ha, vị trí tại khu Du Mục, đội Tr, thuộc thôn Tr, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Theo Hợp đồng, sau 07 năm nhận đất khoán kể từ năm 1993 (Biên bản giao đất từ ngày 05/7/1999), ông H phải thực hiện nộp nghĩa vụ quản lý dự án 7% sản lượng bình quân hàng năm. Tuy nhiên, ông H mới thực hiện xong nghĩa vụ từ năm 2000 đến năm 2010, còn từ năm 2011 đến nay ông H chưa nộp tiền nghĩa vụ cho Công ty, vi phạm nghiêm trọng hợp đồng giao khoán và quy chế quản lý dự án.

Nông Trường Đ là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 308/NN-TCCB-QĐ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm ngày 07/5/1993. Đến ngày 19/7/2005 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, quyết định số 1776/QĐ-BNN-TCCB về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Nông Trường Đ thành công ty cổ phần. Tên gọi đầy đủ là Công ty cổ phần Giống vật nuôi cây trồng Đông Triều, được hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Ngày 22/6/2016 nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Secoin Quảng Ninh và được đổi tên là Công ty cổ phần nông trường Đ như hiện nay (sau đây gọi tắt là Công ty). Theo quyết định số 2240/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ngày 29/8/2013 về việc cho Công ty thuê đất giai đoạn 1 để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản tại các xã A, B, Tr, huyện Đông Triều, thời gian giao đất 50 năm kể từ ngày 19/7/2005 (ngày quyết định cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước). Theo hợp đồng thuê đất số 430/HĐTĐ ngày 28/11/2013 giữa Công ty với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, thì diện tích đất nhận khoán của hộ ông Nguyễn Bá H, nằm trong diện tích đất Công ty đã thuê của Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, nên hộ ông H phải chịu tiền thuê đất, trên diện tích, vị trí đất theo quy định của Sở Tài chính - Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh; ông H có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hằng năm cho Công ty để Công ty nộp về Chi Cục thuế thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Công ty đã thông báo nhiều lần nhưng chủ hộ không thực hiện nghĩa vụ.

Tổng số nợ gốc tính từ ngày 01/01/2011 đến hết năm 2017 là 6.236.101 (sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn một trăm linh một) đồng, gồm các khoản như sau:

+ Tiền thuê đất là: 5.133.750 đồng

+ Nghĩa vụ 7% quản lý vùng là: 1.102.351 đồng

(Có kê chi tiết cụ thể các khoản kèm theo).

Để đảm bảo lợi ích hợp pháp và chính đáng, Công ty đề nghị Tòa án buộc chủ hộ nhận khoán trên phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng với Công ty là 6.236.101 (sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn một trăm linh một) đồng. Công ty có đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/5/2018 về yêu cầu số tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 17/5/2018 ông H phải trả Công ty là 2.995.467 (hai triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi bảy) đồng, tổng số tiền hộ ông H phải trả Công ty tạm tính đến ngày 17/5/2018 là 9.231.568 (chín triệu hai trăm ba mươi một nghìn năm trăm sáu mươi tám) đồng. Ngày 30/10/2018, Công ty có đơn bổ sung nghĩa vụ, tính đến ngày 01/11/2018 hộ ông H có nghĩa vụ trả Công ty: Tiền thuê đất là 6.105.000 (sáu triệu một trăm linh lăm nghìn) đồng, nghĩa vụ quản lý vùng 7% là 1.532.277 (một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy) đồng, tiền lãi chậm trả là: 3.468.775 (ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi lăm) đồng, tổng cộng số tiền hộ ông H phải trả tính đến ngày 01/11/2018 là: **11.106.052** (mười một triệu một trăm linh sáu nghìn không trăm năm mươi hai) đồng. Công ty bổ sung yêu cầu tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/12/2018, ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tiền thuê đất 6.105.000 (sáu triệu một trăm linh lăm nghìn) đồng, tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng (một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy) đồng, tiền lãi chậm nộp 3.579.503 (ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm linh ba) đồng. Trong đó, lãi tiền thuê đất là 3.074.187 (ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy) đồng, lãi tiền nghĩa vụ quản lý vùng 7% là 505.316 (năm trăm linh lăm nghìn ba trăm mười sáu) đồng, tổng cộng số tiền hộ ông H phải thanh toán cho Công ty là **11.216.780** (mười một triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm tám mươi) đồng.

Tại Bản tự khai ngày 11/12/2017, ngày 14/8/2018 và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Bá H trình bày cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Nh (vợ ông H) trình bày:

Ngày 15 tháng 3 năm 1993, hộ gia đình ông, bà được Nông trường Quốc doanh Đ giao đất 50 năm, theo sổ nhận khoán số 361/HĐK, diện tích đất giao 0,37 ha, vị trí tại khu Du Mục, đội Tr, thuộc Thôn Tr, xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Theo hợp đồng, sau 07 năm nhận khoán kể từ năm 1993, gia đình ông bà phải thực hiện nộp nghĩa vụ sản phẩm với Nông trường theo phương án thu của Nông trường hàng năm. Kể từ ngày nhận khoán, gia đình ông bà tự khai hoang, đầu tư hoàn toàn và được vay vốn 02 năm không lãi. Năm 2006, Công ty cổ phần giống vật nuôi cây trồng Đ 2006 mới được thành lập. Tài sản chỉ có 106 ha vài triệu kinh doanh từ năm 1967, 01 khu trại lợn, khu nhà 02 tầng làm việc và vài chục ha đất cấy lúa. Đất dự án 327 là đất của Chính phủ, của Quốc gia trong khi Chính phủ có

chính sách miễn thuế đất nông nghiệp từ năm 2003, theo quy định của chỉ thị 327 ngày 15/9/1992 của Chính phủ về sử dụng đất trồng đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước, phần diện tích 0,37 ha đất gia đình ông bà nhận khoán là đất của gia đình ông bà do nhà nước giao, không liên quan đến Công ty cổ phần nông trường Đ. Vì vậy việc Công ty thu thuế là trái phép. Gia đình ông, bà không chấp nhận nộp thuế cho Công ty cho đến khi nào Chính phủ thay đổi chính sách thì gia đình ông bà sẽ nộp nghĩa vụ thuế với địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã chỉ đạo về thị xã Đ ngày 23/01/2014. Nay Công ty cổ phần nông trường Đ yêu cầu gia đình ông, bà phải trả tiền thuê đất và nghĩa vụ 7% quản lý vùng cộng với tiền lãi, tổng cộng số tiền 11.216.780 (mười một triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm tám mươi) đồng là không đúng, ông bà không đồng ý.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản sau:

- + Tiền thuê đất là : 6.105.000đ (sáu triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng);
- + Tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng là: 1.532.277đ (một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng);
- + Tiền lãi là: 3.579.503đ (ba triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm linh ba đồng), trong đó lãi tiền thuê đất là 3.074.187đ (ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy đồng), lãi tiền nghĩa vụ quản lý vùng 7% là 505.316đ (năm trăm linh lăm nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Tổng số tiền là: 11.216.780đ (mười một triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST, ngày 20/12/2018, của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, xử: Căn cứ vào: Các Điều 92, 483, 484, 485, 488, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 106 Luật quản lý Thuế; khoản 3 Điều 3 Luật số: 106/2016/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý Thuế; Điều 17 Luật phí và lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Nguyễn Bá H, bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá H' phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần nông trường Đ số tiền thuê đất là: 6.105.000đ (sáu triệu một trăm linh lăm nghìn đồng) và số tiền lãi chậm nộp tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/12/2018 là: 3.074.187đ (ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm vụ án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền còn phải tiếp tục chịu lãi chậm nộp theo mức 0,03%/ngày tính trên số tiền thuê đất chậm nộp.

1.2. Buộc ông Nguyễn Bá H, bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá H'phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng cho Công ty cổ phần nông trường Đ là: 1.532.277đ (một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) và tiền lãi do chậm nộp là 505.316đ (năm trăm linh lăm nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền 7% quản lý vùng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Bá H phải nộp 560.839đ (năm trăm sáu mươi nghìn tám trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Công ty cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007279 ngày 17/11/2017 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003291 ngày 29/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/01/2019, ông Nguyễn Bá H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án. Từ năm 1993 đến nay gia đình ông được miễn thuế đất phủ xanh đất trống đồi núi trọc và bãi bồi mặt nước ven biển theo Nghị định 46 của Chính phủ không phải đất Công ty giống vật nuôi cây trồng Đ 2006 thuê với tỉnh ngày 29/8/2013.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Tại phần tranh luận, bị đơn tranh luận với nguyên đơn đã không chấp hành nội quy phiên tòa, to tiếng và có những lời nói khiếm nhã với nguyên đơn, Hội đồng xét xử yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ chấp hành nội quy phiên tòa và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa nhưng bị đơn không chấp hành, sau đó tự ý bỏ về.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Về việc tuân theo pháp luật:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử và nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn Ông Nguyễn Bá H không tuân thủ nội quy phiên tòa, có những lời nói khiếm nhã với nguyên đơn, tự ý bỏ về. Về quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đảm bảo có căn cứ và đúng luật định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Việc thụ lý giải quyết của cấp sơ thẩm đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Kháng cáo bị đơn làm trong hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phần tranh luận bị đơn tranh luận với nguyên đơn đã không chấp hành nội quy phiên tòa, to tiếng và có những lời nói khiếm nhã với nguyên đơn, Hội đồng xét xử yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ chấp hành nội quy phiên tòa và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa, nhưng bị đơn không chấp hành, sau đó tự ý bỏ về. Hội đồng phúc thẩm quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Bá H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án. Từ năm 1993 đến nay gia đình ông được miễn thuế đất phủ xanh đất trống đồi núi trọc và bãi bồi mặt nước ven biển theo Nghị định 46 của Chính phủ không phải đất Công ty giống vật nuôi cây trồng Đ 2006 thuê với tính ngày 29/8/2013.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng phúc thẩm thấy:

** Đối với tiền thuê đất:*

Nông Trường Đ là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 308/NN-TCCB-QĐ của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm ngày 07/5/1993, với chức năng nhiệm vụ: trồng cây ăn quả, chăn nuôi... trên địa bàn các xã B, A và Tr, huyện Đ (nay là thị xã Đ); được UBND tỉnh Quảng Ninh giao đất 1.321,08 ha không thu tiền sử dụng đất theo Điều 1 Luật Đất đai năm 1987: *“Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước giao đất cho các nông trường, lâm trường hợp tác xã... gọi là người sử dụng đất - để sử dụng ổn định, lâu dài”*. Sau đó, Nông trường đã giao khoán cho các hộ nông trường viên và nhân dân trên địa bàn để trồng cây ăn quả và chăn nuôi.

Ngày 01 tháng 3 năm 1993, ông H có đơn xin vào vùng dự án (mô hình 327) nhận đất giao khoán để trồng vải thiều, Nông Trường Đ đã ký hợp đồng giao khoán đất trồng cây ăn quả vải thiều với ông Nguyễn Bá H, hộ gia đình ông, bà được Nông trường Quốc doanh Đ giao đất 50 năm, theo sổ nhận khoán số 0361/HĐK, diện tích đất giao 0,37 ha, vị trí tại khu Du Mục, đội Tr, thuộc Thôn Tr, xã A, huyện Đ (nay là thị xã Đ).

Theo Hợp đồng, bên nhận khoán có những quyền sau: Chủ động sản xuất trên diện tích đất nhận khoán, được hưởng thành quả lao động tạo ra, được đền bù tài sản đã đầu tư hợp pháp trên đất... Về nghĩa vụ: sau 07 năm nhận đất, hộ phải nộp thuế nông nghiệp và các loại thuế khác theo luật định, nộp nghĩa vụ quản lý dự án 7% sản lượng bình quân hàng năm theo giá bình quân của năm đó, thanh toán các khoản dịch vụ ứng trước, trả lại đất khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi.

Từ ngày 01/4/2006, Nông Trường Đ chuyển đổi mô hình sản xuất từ Nông trường thành Công ty cổ phần Giống vật nuôi và cây trồng Đ 2006. Công ty được

đăng ký kinh doanh, kế thừa ngành nghề đã đăng ký và kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp Nhà nước Nông Trường Đ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đất đai năm 2003: “2. *Doanh nghiệp nhà nước đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối trước ngày 01 tháng 01 năm 1999 phải chuyển sang thuê đất hoặc được giao đất có thu tiền sử dụng đất*”, do đó, Công ty phải thuê đất của UBND tỉnh Quảng Ninh, diện tích 7.905.557,8m² với thời hạn 50 năm, phải nộp tiền thuê đất (hợp đồng thuê đất số: 403/HĐTĐ ngày 28/11/2013 giữa Công ty với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh), và có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo Quyết định số 4821/QĐ-TC-QLTSC ngày 15/11/2013 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh.

Sau khi được thuê đất, Công ty đã thông báo tới toàn thể các hộ nhận khoán đến để sửa đổi nội dung hợp đồng từ *nộp thuế nông nghiệp* thành *nộp tiền thuê đất*; sửa đổi bên giao khoán là *Nông Trường Đ* thành *Công ty cổ phần Giống vật nuôi cây trồng Đ 2006*, nhưng hộ ông H không đến. Vị trí, diện tích đất của hộ ông H nhận khoán theo hợp đồng là đất của Công ty thuê của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 22/6/2016, Công ty nhận sáp nhập từ Công ty Cổ phần Secoin Quảng Ninh và được đổi tên là Công ty cổ phần nông trường Đ như hiện nay. Trường hợp này chỉ là thay đổi chủ sở hữu của tổ chức kinh tế và có việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho chủ sở hữu mới là Công ty cổ phần nông trường Đ nên Công ty được kế thừa quyền, nghĩa vụ theo khoản 3 Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa ông H xác định phần đất 0,37 ha mà gia đình ông đang sử dụng không phải đất do UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) hay UBND tỉnh Quảng Ninh cho thuê hoặc giao đất theo Luật Đất đai năm 1987, 1993, 2003, mà phần đất này do Nông Trường Đ giao năm 1993.

Theo văn bản số 2875/TNMT-TTr ngày 24/5/2019 và số 3087/TNMT-TTr ngày 31/5/2019 của Sở Tài nguyên và môi trường đã khẳng định: “*Công ty cổ phần giống vật nuôi cây trồng Đ2006 (nay là Công ty cổ phần nông trường Đ) chính là Nông Trường Đ đổi tên khi chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh, tiến hành cổ phần hóa... Diện tích đất các hộ nhận khoán theo Đề án 327 của Nông Trường Đ trước đây nằm trong diện tích 7.905.557,8m² đất được UBND tỉnh Quảng Ninh cho Công ty cổ phần Giống vật nuôi và cây trồng Đông Triều 2006 (nay là Công ty cổ phần nông trường Đ) thuê...*”. Do vậy, diện tích đất UBND tỉnh cho Công ty cổ phần nông trường Đ thuê chính là diện tích đất được giao cho Nông trường trước đây không thu tiền sử dụng đất.

Trước đó, Công ty cổ phần nông trường Đ đã có văn bản xin miễn nộp tiền thuê đất cho các hộ được giao khoán đất năm 1993 theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP. Nhưng theo văn bản số 7963/TB-CT ngày 16/9/2016 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh có nội dung: “*Công ty cổ phần nông trường Đ không thuộc đối tượng được miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 9 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ*”, nên Công ty vẫn phải nộp tiền thuê đất.

Điều 2. Đối tượng thu tiền thuê đất, thuê mặt nước Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê

đất hàng năm hoặc trả một lần....trong các trường hợp sau: a- Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp...

Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước, có 10 trường hợp được miễn, gồm:.... đất sản xuất nông nghiệp đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đất thực hiện dự án trồng rừng phòng hộ, trồng rừng lấn biển.

Đối chiếu với 10 trường hợp được miễn thì ông H không phải là đối tượng được Nhà nước cho thuê đất để sản xuất, nên không được miễn giảm tiền thuê đất theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nên ông H phải có nghĩa vụ trả tiền thuê đất theo đơn giá do Sở tài chính quy định cho Công ty để Công ty trả cho UBND tỉnh. Bản thân ông H đã nộp tiền thuê đất đến năm 2010, từ năm 2011 không nộp, do vậy bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Bá H, bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá H' phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần nông trường Đ số tiền thuê đất từ năm 2011 và số tiền lãi chậm nộp tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/12/2018, là đúng quy định của pháp luật.

** Đối với yêu cầu trả tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng:*

Căn cứ hợp đồng giao khoán đất trồng cây ăn quả vải thiều theo dự án 327 số 0361/HĐK, có nội dung giao cho hộ ông H diện tích đất giao 0,37 ha 01 khoảnh và các quy định về nghĩa vụ trong hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng và hiện đang sử dụng ổn định.

Quá trình thực hiện, hộ ông H đã nộp sản phẩm nghĩa vụ đến năm 2010, từ năm 2011 cho đến nay ông H không thực hiện nghĩa vụ đối với Công ty là vi phạm quy định về nộp nghĩa quản lý dự án 7% sản lượng bình quân hàng năm tại mục 2 Điều 3 của hợp đồng. Bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Bá H, bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá H' phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần nông trường Đ số tiền quản lý vùng 7% từ năm 2011 đến ngày xét xử sơ thẩm và số tiền lãi chậm nộp tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/12/2018, là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy kháng cáo của ông Nguyễn Bá H không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 20/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều.

[3] *Án phí phúc thẩm:* Kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông H phải nộp 300.000đ, án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Bá H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 20/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều.

Căn cứ: khoản 3 Điều 74, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 92, 483, 484, 485, 488, 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 106 Luật quản lý thuế; khoản 3 Điều 3 Luật số: 106/2016/QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Điều 17 Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc ông Nguyễn Bá H, bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá H' phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần nông trường Đ số tiền thuê đất là: 6.105.000đ (sáu triệu một trăm linh lăm nghìn đồng) và số tiền lãi chậm nộp tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/12/2018 là: 3.074.187đ (ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm vụ án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền còn phải tiếp tục chịu lãi chậm nộp theo mức 0,03%/ngày tính trên số tiền thuê đất chậm nộp.

1.2. Buộc ông Nguyễn Bá H, bà Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Bá H' phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nghĩa vụ 7% quản lý vùng cho Công ty cổ phần nông trường Đ là: 1.532.277đ (một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng) và tiền lãi do chậm nộp là 505.316đ (năm trăm linh lăm nghìn ba trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền 7% quản lý vùng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Bá H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003741 ngày 10/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Đông Triều;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- Lưu hồ sơ;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

